

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 66

Phẩm 6: NÓI VỀ HIỀN THÁNH (PHẦN 10)

Như trên nói: Tu đạo có hai:

1. Hữu lậu.
2. Vô lậu.

Nay, nên tư duy, lựa chọn đối với hai thứ này, do đạo nào là nhiệm của địa nào? Tụng rằng:

Hữu Đảnh do vô lậu

Khác, do hai là nhiệm.

Luận nói: tất cả phiền não trong địa Hữu đảnh hiện có, chỉ đạo vô lậu có thể làm cho vĩnh viễn là bỏ, nhất định không phải hữu lậu. Vì sao? Vì chỉ có năng lực của vô lậu này có công năng trị địa trên, nên chỉ ở trong địa phần gần kề tiếp địa trên khởi đạo thế tục, trị hoặc của địa dưới. Hoặc của Hữu đảnh đã không có địa trên, nên không có hữu lậu nào có thể là nhiệm của địa kia.

Vì sao đạo thế tục không trị hoặc của địa mình? Vì tùy miên của địa mình đã tùy tăng không phải sự tùy miên tùy tăng kia, tương ưng có thế lực dụng đối trị tùy miên kia. Vì thuận với sinh trưởng phiền não kia. Nếu có thế dụng có thể trị tùy miên kia, thì đạo thế tục này không phải đối tượng tùy tăng của tùy miên kia, vì khi duyên thế dụng này đã làm tổn giảm phiền não kia.

Vì sao địa dưới khởi đạo thế tục, không thể đối trị tùy miên của địa trên? Vì không phải đối tượng tùy tăng của tùy miên kia, vì không thuận với sinh trưởng phiền não kia, lẽ ra phải thừa nhận có thể trị tùy miên của địa trên? Chắc chắn địa trên không phải thế tục của địa dưới, vì hạnh nhàm chán cảnh sở duyên của đạo đoạn, nên không phải nhàm chán địa dưới, có thể là nhiệm của địa trên, vì địa trên rất vi diệu so với địa dưới.

Do đó chứng biết chỉ có sức vô lậu có thể lìa Hữu đảnh, lý ấy khéo thành.

Tất cả phiền não trong tám địa còn lại, chung do hai đạo có năng lực khiến cho xa lìa hẳn, vì đạo thế gian, xuất thế gian đều có công năng lìa phiền não.

Đã chung do hai đạo lìa nhiễm của tám địa, mỗi địa như vậy, có bao nhiêu thứ đặc ly hệ ư? Tụng rằng:

Thánh tu hai, lìa tám

Đặc hai loại Ly hệ.

Luận nói: Các Thánh Hữu học dùng đạo hữu lậu, lìa tám địa dưới, khi tu đoạn lìa nhiễm có khả năng dẫn sinh đủ hai đặc ly hệ, hai thứ đạo đoạn: hữu lậu, và vô lậu. Vì đối tượng tạo tác ở trong tám địa đồng nhau, nên vận dụng đạo vô lậu để lìa bỏ cũng thế, cũng tạo tác đồng ở trong đó.

Do đó, Hữu học lìa tám Tu đạo đoạn, đạo thế gian, xuất thế gian, tùy một thứ nào hiện tiền, đều là Tu đạo thế gian, thế xuất gian ở vị lai. Đã nói bậc Thánh tu hai, lìa tám đều có công năng dẫn sinh hai đặc ly hệ. So sánh biết bậc Thánh lìa Hữu đảnh tu và khi Kiến đạo đoạn, vận dụng đạo vô lậu, chỉ dẫn vô lậu ly hệ đặc sinh, cũng không Tu đạo thế tục vị lai, vì không đồng sự với đạo thế tục. Phạm phu lìa tám, vận dụng đạo hữu lậu, chỉ dẫn hữu lậu, ly hệ đặc sinh, cũng không Tu đạo vô lậu ở vị lai, vì chưa nhập Thánh. Điều này không cần nói tự thành.

Có sư khác nói: Dùng đạo vô lậu lìa tám địa dưới, khi tu đoạn nhiễm làm sao biết cũng sinh hữu lậu đặc ly hệ?

Vì có xả vô lậu đặc, phiền não không thành, nghĩa là Thánh Hữu học, dùng đạo vô lậu khi lìa nhiễm các địa kia, nếu không dẫn sinh đồng sự đặc ly hệ hữu lậu, thì dùng Thánh đạo lìa đủ tám địa sau đó khi dựa vào tĩnh lực được chuyển căn, bỏ ngay các Thánh đạo chậm lụt từ trước đến nay, chỉ được Thánh đạo của quả tĩnh lực lanh lợi. Nếu ly hệ hoặc của địa trên đều không thành, thì tức lại trở thành phiền não của địa kia. Tuy nhiên điều này không được thừa nhận.

Thế nên, nhất định biết các Thánh Hữu học, dùng đạo vô lậu lìa tám địa dưới, khi tu đoạn nhiễm cũng dẫn sinh đủ hai đặc ly hệ.

Chứng minh này phi lý. Vì sao? Vì Thánh kia nếu không có đặc do hữu lậu dứt, cũng không thành tự phiền não của địa trên, như phân ra lìa Hữu đảnh, khi đặc chuyển căn và phạm phu, sinh lên địa trên mà không thành hoặc, nghĩa là như phân lìa nhiễm của địa Hữu đảnh. Về sau, khi dựa vào tĩnh lực, được chuyển căn, đặc vô lậu đoạn, đã xả tức

khắc thì ly hệ của địa kia không có đắc hữu lậu, mà hoặc của địa kia cũng không thành tự.

Lại, như phạm phu sinh lên định thứ hai v.v..., dù xả đắc đoạn phiền não của cõi Dục v.v..., mà không thành tự phiền não cõi Dục v.v.. Vì hữu lậu cõi Dục v.v... do ly hệ đắc, thuộc Sơ định v.v..., chỉ vì chủ thể trị của định kia, nếu sinh địa trên, thì đắc này phải bỏ, vì sinh địa trên, phải bỏ thiện hữu lậu của địa dưới. Hai địa này dù không có đắc do dứt phiền não, nhưng vì thắng tiến, nên ngăn chặn hoặc được sinh, ly hệ kia lẽ ra cũng như thế, nên chứng phi lý. Do đó, chỉ có thể nói như thế này: Hai đạo ở trong đó, vì đối tượng tạo tác đồng, nên tùy theo một hiện khởi dẫn hai đạo được sinh, không thể nói vì thành đoạn.

Đã nói lìa nhiễm, do đạo không đồng, nay tiếp sẽ nói do địa sai khác. Do đạo của địa nào, lìa nhiễm của địa nào? Tụng rằng:

*Đạo vô lậu Vị chí
Lìa được tất cả địa
Tám khác lìa tự, trên
Hữu lậu lìa kể dưới.*

Luận nói: Các đạo vô lậu đều căn cứ chung chín địa, là bốn Tĩnh lự, Vị chí, Trung gian và ba Vô sắc. Nếu Vị chí gồm nhiếp thì có thể lìa cõi Dục cho đến Hữu danh, tám địa còn lại, thâm nhiếp tùy theo đối tượng thích ứng với tám địa đó, đều có thể lìa nhiễm địa mình và địa trên, không thể lìa địa dưới. Khi chưa lìa địa dưới, thì đạo trên không có hiện ở trước. Các đạo hữu lậu, tất cả chỉ có thể lìa địa kể dưới, không phải tự địa v.v..., vì đối tượng tùy tăng của phiền não tự địa có thể lực yếu kém. Vì trước đã lìa, nên đối với địa phần gần, lìa nhiễm địa dưới, như đạo Vô gián đều thuộc phần gần, các đạo Giải thoát cũng là phần gần? Không nhất định thì thế nào? Tụng rằng:

*Phần gần lìa nhiễm dưới
Đầu ba, giải thoát sau
Căn bản hoặc phần gần
Địa trên chỉ căn bản.*

Luận nói: Phần gần đối tượng nương tựa của các đạo, có tám, đó là bốn tĩnh lự, mé dưới Vô sắc, đối tượng lìa có chín, đó là tám định cõi Dục, ba phần gần đầu, lìa nhiễm ba địa dưới. Khi đạo Giải thoát thứ chín hiện ở trước, hoặc nhập căn bản, hoặc tức phần gần. năm phần gần trên đều lìa nhiễm địa dưới. Khi giải thoát thứ chín hiện ở trước, thì nhập căn bản, không phải tức phần gần vì căn bản v.v... phần gần bình đẳng xả căn. Căn bản phần gần của ba tĩnh lự dưới, vì thọ căn khác, nên

có khi không thể nhập, chuyển nhập với thọ khác, vì ít gian nan, nên khi lìa nhiễm địa dưới, thì vì ưa thích địa trên. Nếu thọ không có khác, thì nhập căn bản. Các đạo xuất thế, Vô gián giải thoát, trước đã nói. Duyên mười sáu hành tướng của cảnh bốn đế. Về nghĩa, so sánh tự thành.

Đạo thế tục duyên gì? Tạo ra hành tướng gì?

Đời Vô gián, Giải thoát

Thứ lớp duyên dưới, trên

Tạo hành khổ, thô, chướng

Cùng tĩnh, diệu và ly.

Luận nói: Đạo Vô gián thế tục và giải thoát, như thứ tự có thể duyên địa dưới, địa trên, vì khổ thô chướng và tĩnh diệu ly. Nghĩa là các đạo Vô gián duyên các pháp hữu lậu ở địa dưới kế địa của mình tạo ra khổ, thô v.v..., tùy theo một hành tướng trong ba hành tướng. Nếu các đạo Giải thoát duyên với các pháp hữu lậu ở địa trên kế địa của mình thì tạo ra tĩnh, diệu v.v... tùy theo một hành tướng trong ba hành tướng. Căn cứ chấp nhận có nói hai đạo, mỗi đạo có ba hành tướng, không phải các hữu tình đối với vị lìa nhiễm, mà vô gián, giải thoát đều đủ ba. Trong các địa dưới, do nhiều trạo cử, lực tịch tĩnh yếu nên gọi là thô. Mặc dù siêng năng làm cho thế dụng trạo cử dần dần yếu kém đi, nhưng vẫn không thể dẫn sinh sự vui mỹ, diệu, nên gọi là khổ. Có rất nhiều thứ trở ngại tai hại có thể che lấp, làm cho không có khả năng nhận thấy phương hướng xuất ly, nên gọi là chướng.

Trong các địa trên, không có công dụng tạo tác, vì trạo cử yếu kém, nên gọi là tĩnh. Không cần sức khổ nhọc, vì trạo cử yếu kém nên dẫn sinh lạc thù thắng, gọi là diệu. Trong địa dưới, các tai hại hiện có được quyết định thấy, tâm không sinh ra ưa thích và có khả năng vượt qua tai hại đó, nên gọi là ly. Nên biết trong đây đã gồm biểu thị hành tướng Vô gián, Giải thoát, mỗi thứ đều có ba, trái ngược nhau mà sinh. Như thứ lớp đó, nghĩa là đạo Vô gián duyên địa dưới là thô, đạo Giải thoát duyên địa trên là tĩnh. Pháp còn lại trái nhau khởi, như thế nên biết. Nhưng khi lìa nhiễm khởi, thì không nhất định. Đạo Vô gián thế tục và giải thoát, vì khả năng lìa chín phẩm nhiễm địa dưới v.v... nên biết cũng có chín phẩm sai khác. Trong đây, phạm phu lìa nhiễm cõi Dục, ba hành như thô v.v... của chín đạo Vô gián, hễ bất cứ một hành nào hiện tiền, thì đều tu vị lai ba hành như như thô v.v..., Tám đạo Giải thoát với ba hành như tĩnh v.v..., hễ bất cứ một pháp nào hiện tiền đều tu vị lai : sáu hành như thô v.v... Đạo Giải thoát sau thì mọi sở tu của hiện tại và vị lai giống như trước. Tám đạo Giải thoát khác với trước là

lại tu Sơ tĩnh lự nơi vị lai thấu nhiếp vô biên hành tướng. Như thế, cho đến lìa nhiễm Vô sở hữu xứ, mọi sở tu của đạo Giải thoát, Vô gián nên biết.

Nếu các bậc Thánh do đạo thế tục lìa nhiễm cõi Dục, ba hành như như thô v.v... của chín đạo Vô gián hiện tiền, thì đều tu mười chín hành ở vị lai, nghĩa là ba thứ như thô v.v... hữu lậu, mười sáu hành Thánh vô lậu. Tám đạo Giải thoát với ba hành tĩnh v.v... hễ bất cứ một pháp nào hiện tiền, đều tu hai mươi hai hành vị lai. Nghĩa là mười chín trước, thêm ba thứ như tĩnh v.v... còn sở tu của đạo Giải thoát sau ở hiện tại, vị lai giống như trước.

Tám đạo Giải thoát, khác với trước là lại tu Sơ tĩnh lự vị lai, gồm nhiếp vô biên hành tướng, chín đạo Vô gián lìa nhiễm Sơ định. Hễ một trong ba hành như thô v.v..., hiện tiền, thì đều tu mười chín hành ở vị lai, nghĩa là ba như thô v.v... và chỉ mười sáu hành Thánh vô lậu. Mười sáu hành này là thuộc địa dưới. Vì địa trên không có hành Thánh. Về sau, tu hành Thánh, so sánh với đây nên biết. Tám đạo Giải thoát với ba hành như tĩnh v.v..., hễ bất cứ một hành nào hiện tiền, thì đều tu ở vị lai hai mươi hai hành, nghĩa là mười chín trước thêm ba thứ như tĩnh v.v... Mọi sở tu của đạo Giải thoát sau ở hiện tại, vị lai giống như trước.

Tám đạo Giải thoát khác với trước là lại tu vị lai vô biên hành tướng thuộc tĩnh lự thứ hai. Như thế, cho đến lìa nhiễm Vô sở hữu xứ ; mọi sở tu của đạo Giải thoát, Vô gián thì thuận theo biết.

Có sư khác nói: Phạm phu, bậc Thánh lìa dục trong đạo Giải thoát, Vô gián, cũng tu bất tịnh, niệm hơi thở, từ v.v... lìa những thứ khác, mọi sở tu của địa trên giống như trước. Vì thiện căn của Sơ tĩnh lự rộng nên tu hành như thế. Vì thiện căn của các định trên ít nên mọi sở tu giống như trước. Lại, trong cõi Dục có nhiều phiền não, muốn dứt phiền não cõi này phải tu nhiều đối trị, địa trên không như vậy, nên tu ít đối trị. Chín đạo Vô gián lìa nhiễm cõi Dục, đã tu ba hành như thô v.v..., chỉ duyên cõi Dục. Tám đạo Giải thoát đã tu ba hành như thô v.v... ở vị lai, duyên chung cõi Dục và Sơ tĩnh lự. Ba hành như tĩnh v.v... duyên Sơ tĩnh lự. Đạo Giải thoát sau, đã tu ba hành như thô v.v... vị lai, duyên chung ba cõi. Ba hành như tĩnh v.v... duyên Sơ tĩnh lự, cho đến Hữu đẳng, lìa nhiễm Sơ định. Chín đạo Vô gián, đã tu ba hành như thô v.v... vị lai duyên Sơ tĩnh lự. Tám đạo Giải thoát, đã tu ba hành như thô v.v... duyên Sơ định và định thứ hai. Ba hành như tĩnh v.v... duyên định thứ hai. Đạo Giải thoát sau đã tu ba hành như thô v.v... ở vị lai, duyên chung ba cõi. Ba hành như tĩnh v.v... duyên định thứ ba, cho đến Hữu đẳng lìa nhiễm

của hai tĩnh lực, ba tĩnh lực, tùy theo đối tượng thích ứng của tĩnh lực kia, đều căn cứ ở thuyết trước nói. Là nhiệm của bốn định, chín đạo Vô gián đã tu ba hành như thô v.v... duyên định thứ tư, tám đạo Giải thoát đã tu ba hành như thô v.v... ở vị lai, duyên định thứ tư và duyên Không xứ; nhưng không phải một niệm, vì khác giới hạn. Ba hành như tĩnh v.v... chỉ duyên Không xứ. Đạo Giải thoát sau, đã tu ba hành ở vị lai. Ba hành như thô v.v..., ba hành như tĩnh đều duyên Không xứ, cho đến Hữu đẳng. Là nhiệm Không xứ, chín đạo Vô gián đã tu ba hành như thô v.v... ở vị lai, chỉ duyên Không xứ, tám đạo Giải thoát đã tu ba hành như thô v.v... vị lai, duyên ba hành như tĩnh v.v... ở Không thức xứ, chỉ duyên Thức xứ. Đạo Giải thoát sau mà tu ba hành như thô v.v... vị lai, ba hành như tĩnh v.v... đều cùng duyên Thức xứ, cho đến Hữu đẳng là nhiệm Thức xứ, nhiệm Vô sở hữu xứ, tùy theo đối tượng thích nghi của mình, đều như thuyết trước đã nói.

Vì sao trong đạo Giải thoát sau cùng ba hành như thô v.v... ở vị lai tu, thuộc về tĩnh lực, thì duyên chung ba cõi, thuộc về Vô sắc, chỉ duyên trên địa mình?

Vì có trí duyên khắp trong các tĩnh lực, căn bản Vô sắc thì không duyên địa dưới, nên hai thứ sở tu, sở duyên có khác.

Trong đây, một loại Luận sư của phái Thí dụ, vì muốn biểu thị thành nghĩa phân biệt luận nên nói thế này: Không có phạm phu thật sự dứt trừ phiền não, vì có lỗi lui sụt. Nghĩa là nếu có khả năng thật sự dứt trừ Tát-ca-da-kiến của Hữu đẳng, thì tất nhiên, sẽ không có lỗi lui sụt. Trái lại, nếu đã có nghĩa lui sụt, thì chưa thật sự dứt trừ. Đã thừa nhận phạm phu đối với việc đoạn trừ các phiền não của tám địa dưới có khả năng thối lui thì không có phạm phu thật sự dứt trừ phiền não.

Thuyết của luận sư kia phi lý, vì đối với hoặc của Hữu Đẳng có chế phục, và không chế phục đều có lỗi cả, nghĩa là các phạm phu đối với hoặc Hữu đẳng, là thừa nhận có chế phục, hay không thừa nhận? Nếu thừa nhận phạm phu chế phục hoặc Hữu đẳng, như chế phục các phiền não của địa dưới rồi, thì phạm phu đó đối với địa dưới, sẽ không thọ sinh.

Như thế, đã có thể chế phục hoặc Hữu đẳng, thì thuận theo đối với Hữu đẳng, cũng không thọ sinh, tức là phạm phu phải chứng viên tịch. Nếu chế phục Hữu đẳng vẫn còn sinh Hữu đẳng, không phải khuất phục địa dưới vẫn còn sinh địa dưới, thế thì không đúng, vì hoặc Hữu đẳng đã dứt rồi, không lui sụt thì ở địa dưới cũng phải giống như vậy. Nếu thừa nhận phạm phu không chế phục hoặc Hữu đẳng, vì đạo thế tục đối với

Hữu đánh, không có khả năng, chỉ thừa nhận phàm phu kia có khả năng chế phục hoặc của địa dưới, cũng không đúng. Vì hoặc của địa Hữu đánh dứt rồi, không lui sụt, thì ở địa dưới cũng phải giống như vậy. Như thế, tìm tòi, gạn hỏi, cả hai đều có lỗi, nên không thể nói là phàm phu kia thật sự không có dứt trừ phiền não. Tuy nhiên, các Luận sư kia đã nói: thấy có hoặc thân kiến v.v... thuộc Hữu đánh, đoạn rồi, không lui sụt, chứng biết tất cả các hoặc của các địa dưới cũng phải giống như các hoặc của Hữu đánh đã dứt rồi, không có lui sụt. Và đã nhận thấy phàm phu đối với hoặc của địa dưới dứt rồi, lui sụt trở lại, nên biết phàm phu đối với các hoặc của địa dưới, thật sự chưa thể dứt.

Cách giải thích này không đúng. Vì sự dứt khác nhau. Nghĩa là không phải chúng tôi thừa nhận các phàm phu đối với hoặc Hữu đánh, có nghĩa có thể dứt. Vì dứt Hữu đánh, đạo thế tục sinh, không có chỗ nương tựa. Và ở trong đó, đạo Giải thoát khởi, không có chỗ duyên. Còn hoặc của các địa dưới, phàm phu có thể dứt, mà phàm Thánh có khác, thì cũng nên thừa nhận có lui sụt, không lui sụt khác nhau. Làm sao nêu lên lý Thánh dứt không có lui sụt, so sánh với phàm phu dứt cũng khiến không có lui sụt? Lại, vì không thành, nghĩa là không phải chúng tôi thừa nhận hoặc của Hữu đánh được dứt rồi, không có lui sụt.

Việc này đã không thành, thì sao có thể lấy lý không có lui sụt của Thánh kia để so với địa dưới cho đồng?

Mặc dù Tát-ca-da-kiến thuộc Hữu đánh đã dứt rồi, không có lui sụt, mà Luận sư kia không thừa nhận địa trên kia có chế phục như hoặc địa dưới, nên không thể dùng dứt hoặc không có lui sụt của Thánh nhân kia, để so sánh với hoặc của địa dưới dứt, không có lý lui sụt.

Không có chế phục, có chế phục phàm phu kia, bậc Thánh này đã khác, thì có lui sụt, không có lui sụt, cũng nên phải thừa nhận khác nhau. Lại, vì đạo khác, nghĩa là không phải đạo này dứt Tát-ca-da-kiến của Hữu đánh, tức do đạo này, các hạnh phàm phu dứt phiền não mà tám địa dưới đã có. Đạo đã có khác, nên thừa nhận hoặc dứt, có hai thứ khác nhau: Thoái, không thoái, vì đã thừa nhận hoặc dứt là quả đạo.

Nếu cho rằng nghĩa này nên sinh nghi, thì về lý cũng không thích ứng, vì nói rõ ràng nghĩa là về lý, nên tư duy: Đạo đối trị của Thánh, phàm đã có sai khác bèn có thể sinh nghi. Các loại phàm phu đã có lui mất, vì dứt hay không dứt, điều này không nên hoài nghi. Đức Thế Tôn ở chỗ nào cũng nói, trong các phàm phu có người dứt phiền não và lìa nhiễm, nghĩa là Khế kinh nói: Trong các phàm phu, có người dứt trừ năm cái, dứt vui, dứt khổ. Lại, Khế kinh nói: Ôt-đạt-la-ca, Át-ma-tử đều

có công năng dứt trừ các dục.

Lại, Khế kinh nói: Xưa, có vị tiên ngoại đạo làm đạo sư ở đời, tên là Diệu Nhân, ông ta ở cõi Dục đã được lìa nhiễm.

Lại, thấy Khế kinh phân biệt nghiệp xứ nói: Có vị tiên ngoại đạo lìa nhiễm cõi Dục. Do đó chứng biết vì đạo có khác, nên các loại phàm phu, đối với hoặc của tám địa, dù có thật sự dứt, nhưng vẫn có nghĩa lui sụt, không phải đạo khác, nên không thể dứt thật. Thế nên, ở đây không nên sinh nghi.

Nếu cho rằng trong đây chỉ không hiện khởi, gọi là dứt lìa nhiễm. Như chỗ khác nói dứt lìa nhiễm.

Cách nói này cũng không đúng, vì không có nhân quyết định, vì có lỗi thái quá, nghĩa là người kia hoặc tư duy như thế này: Chỉ không hiện hành, gọi đạo lìa nhiễm, như đối với vị chết, cũng nói nói dứt, không phải đang khi chết, thật sự có trị đoạn.

Lại, như có thuyết nói: Ở trong thôn ấp, có các đồng nam, hoặc các đồng nữ, đang nô đùa trên đồng cát, lấy cát làm nhà, xây thành quý báu, xinh đẹp, trong phút chốc lại được lìa nhiễm.

Ý thuyết kia nói: Rõ trong cảnh kia, tham không còn hiện hành, không phải thật sự dứt lìa. Thế nên trong đây chỉ không hiện khởi, gọi là dứt lìa nhiễm, làm chứng không thành. Vì điều này nhất định không như vậy, không có nhân quyết định.

Trong đây đã nói “dứt lìa nhiễm”. Có nhân quyết định nào có thể làm chứng thành thật?!

Chỉ biểu thị phiền não tạm thời không hiện hành, không phải vì chỉ rõ thành dứt các hoặc mà đắc.

Nếu cho rằng bậc Thánh dứt hoặc, thì không có lui sụt, phàm phu có lui sụt nên biết chưa dứt. Quan niệm này cũng không đúng, vì không thể thành. Không phải Thánh không lui sụt, nghĩa đó rất thành. Nên ở đây không có chứng nhân nhất định.

Lại, ở đây nói “dứt lìa nhiễm”, nếu chỉ không hiện hành, thì sẽ có lỗi thái quá, vì ở chỗ khác có nói: Thánh đạo gọi dứt lìa nhiễm. Ông lẽ ra cũng chấp chỉ có không hiện hành, như chỗ khác nói.

Thế nên, lối chấp kia quyết định phi lý.

Làm sao biết được, nói dứt lìa nhiễm này, không phải chế phục triền hiện tại, là đắc dứt hoặc?

Ở đây như bậc Thánh, cũng vì sinh lên cõi trên, nghĩa là Thánh Hữu học, đắc dứt hoặc địa dưới, mới được sinh lên cõi trên. Bậc Thánh, Hữu học ấy, đồng thừa nhận loại phàm phu này, vì cũng được sinh lên

trên, lẽ ra cũng thừa nhận đắc dứt hoặc của địa dưới.

Nếu cho rằng vì đạo khác, nên không đồng, đã chứng tỏ thành phạm phu đoạn, lui sụt. Có thoái, không có thoái, đủ chứng tỏ đạo khác nhau.

Sao phải dứt, phục, mới làm sáng tỏ đạo khác?

Vì đạo khác, nên khiến cho các phiền não phục, dứt sai khác, không phải vì đạo khác, nên dù đã dứt thật, nhưng thoái, không thoái khác nhau.

Thuyết nói như thế, lấy gì làm chứng?

Lại, lẽ ra tất cả tâm thiện, vô ký, mà người qua đời dù được, phiền não, trong thân chưa dứt, cũng được sinh lên cõi trên. Vì sao? Vì lia triền hiện tại, nghĩa là ở vị trí này, tâm thiện, vô ký hiện ở trước, phiền não của địa mình, không hiện tiền, nên gọi là lia. Vì không phải do đó, nên phiền não không hiện hành, do duyên khác, có chút sai khác. Lại, không phải pháp riêng vì có sai khác, nên có thể khiến trong đây cũng có sai khác. Bình đẳng dù không khởi, nhưng vì không có đối tượng dứt bỏ, nghĩa là không phải pháp riêng ở trong tuệ nối tiếp nhau có một ít cái dứt bỏ pháp khác không có sức này, có thể nói pháp kia vì có chỗ dứt trừ. Dù cùng không hiện hành nhưng thời gian có khác.

Nếu ý Luận sư kia cho rằng đắc trong địa này, người chế phục đối trị, thì sinh trong địa này, nên tâm thiện, vô ký của vị qua đời, hiện ở trước: tức sinh ở địa mình, không phải địa trên, vì ở vị qua đời, tâm thiện, vô ký không thuộc về địa trên chế phục đắc trị.

Giải thích này cũng không đúng, vì các chỗ nương địa trên, phục trị các phiền não của địa dưới. Vì do sức nghiệp của địa trên, nên sinh. Vì sức của đạo phục trị địa trên. Nếu do sức của nghiệp sinh lên địa trên thì chỉ chế phục phiền não của địa dưới, chắc chắn phải có chiêu cảm nghiệp của địa này, do sức nghiệp này, nên nhất định sinh địa này.

Nếu do sức đạo, sinh lên địa trên ấy, thì sẽ dựa vào đạo của địa này, chế phục hoặc cõi Dục khi qua đời chỉ nên sinh ở địa này, thì loại phạm phu qua đời cõi Dục, lẽ ra không có, cho đến người sinh Hữu đánh, chỉ nên được thọ sơ tĩnh lự sinh. Đạo này nhất định vì có thể chiêu cảm sinh địa này, nên chưa dứt đắc hoặc của địa dưới, quyết định không có công năng sinh lên địa trên, nên đạo mà Luận sư kia đã nói, là đã có khác, ấy là có thể sinh hoài nghi. Các hạng phạm phu đã có lui mất, vì dứt hay không dứt, mà đã ngờ vực như thế, thì nhất định không đúng.

Do đó, đã nói vì đạo khác, nên các loại phạm phu đối với hoặc của tám địa, dù có lý dứt thật mà có nghĩa lui sụt thành.

Lại có sư khác nói: Đạo thế tục quyết định không có công năng đối với dứt phiền não, nên Đức Thế Tôn nói: Phải đạt được tuệ Thánh, mới có thể dứt phiền não, chứ không phải các phàm phu.

Đã được tuệ Thánh, há dứt được hoặc? Lại, Khế kinh nói: Đây hơn kia. Nghĩa là hơn kia rồi, kia lại không sinh. Nếu kia lại sinh, thì đây không phải hơn kia: Các loại phàm phu dù dứt phiền não, nhưng các phiền não đôi khi lại sinh. Vì thế nên biết chắc chắn phiền não kia không thật sự dứt.

Lại, Khế kinh thuyết minh: Nếu thân kiến v.v... khi chưa dứt hẳn, thì tham v.v... chưa dứt. Phải là tham kia đã dứt rồi thì thân kiến này mới dứt.

Lại, Khế kinh nói: Ba pháp: Tát-ca-da-kiến, giới cấm thủ, nghi chưa dứt, thì không bao giờ có thể dứt tham, giận, si.

Các loại phàm phu đã chưa thể dứt Hữu thân kiến v.v... thế nên, biết chắc chắn chưa thật sự dứt phiền não tham v.v...

Điều này cũng không hẳn như thế, vì khen vượt hơn, nghĩa là Phật cố mật thuyết tham, giận, si của Hữu đảnh, nói dứt phiền não, phải được tuệ Thánh, vì tuệ các Thánh đối với dứt phiền não, rất trội hơn trong quán như lý. Thế gian cũng có căn cứ ở phần vượt hơn để nói: Phải là chân Quốc vương, mới có khả năng bảo hộ nước; phải là chân thiện sĩ mới không ngu dua nịnh, lừa dối.

Thế nên, kinh này chỉ căn cứ đạo đoạn phiền não một cách rất ráo mật ý mà nói, không thể do đây, bèn có thể ngăn cấm công dụng dứt phiền não của các đạo thế tục. Do đó đã giải thích kinh: đây hơn kia. Nghĩa là căn cứ Thánh đạo đoạn hoặc không còn sót, vĩnh viễn không thối lui mà mật ý nói. Như thế gian nói: Ăn thức ăn này rồi, không bao giờ bị ới mưa, gọi là ăn thức ăn này. Đốt vật này rồi, rốt cùng, không tái sinh gọi là đốt vật này chứ không phải sau ới mưa và sau tái sinh là nghĩa không phải ăn, không phải đốt. Chỉ căn cứ ở rốt ráo, mà nói không có biến đổi(ới), sinh, ở đây lẽ ra cũng như thế. Nếu không như vậy, thì phiền não đã dứt, về sau, nếu sinh lại, khi đối với chánh dứt, không gọi là “hơn.” Mặc dù không phải hơn hẳn, nhưng vượt hơn tạm, chứ chẳng phải không có. Sao lại dẫn chứng này không có thật sự dứt?

Hữu thân kiến v.v... khi chưa dứt hẳn thì ba thứ tham, giận, si hẳn nhiên chưa dứt. Thuyết này đối với lý thuyết của tôi cũng không có trái. Đây là Phật căn cứ ở Hữu đảnh mật ý thuyết, nghĩa là kiến hoặc của địa Hữu đảnh, trước dứt, thời gian sau mới dứt hoặc do Tu đạo đoạn. Đây là căn cứ đoạn kiến hoặc vô dư (rốt ráo), thời gian sau mới dứt hoặc do

Tu đạo đoạn, mà nói. Đã do mật ý nói, thì không thể làm chứng. Kinh này quyết định là do mật ý thuyết. Vì liền ở đây, lại thốt lên lời nói này: Nếu đối với ba pháp chưa dứt, đã dứt sẽ không thể dứt hữu thân kiến v.v... Ba pháp đó là:

1. Tác ý phi lý.
2. Tập gần tà đạo.
3. Tâm tánh thấp kém.

Đây nói là ba. Thế nhưng chắc chắn không có trường hợp trước dứt ba pháp, về sau mới dứt hữu thân kiến v.v..., vì Kiến đạo trước kia không có đối trị thân kiến kia. Cho nên, chứng biết kinh này là do mật ý nói.

Đây là đối với việc chế phục trước, nói tiếng “đã dứt”. Về sau, Kiến đạo hiện tiền thật đoạn thân kiến v.v... Luận giả Chánh lý nói thế này: Y cứ ở đạo thế tục cũng có thể dứt hoặc, vì có giáo-ly chứng rõ ràng. Vả lại, có giáo, nghĩa là Khế kinh nói: Nếu các ông có khả năng dứt hẳn một pháp, ta bảo đảm các ông sẽ được quả Bất hoàn.

Một pháp là gì? Nghĩa là hữu thân kiến. Ý kinh này nói: Trước hết, người lìa dục, nhập đế hiện quán, đoạn hữu thân kiến. Khi hiện quán mãn, được quả Bất hoàn, không phải trước kia người chưa lìa tham cõi Dục, khi hiện quán mãn, được quả Bất hoàn. Cho nên, đạo thế tục thật sự có công năng dứt hoặc. Nếu thuyết kia cho rằng dứt thân kiến rồi, về sau, dần dần sẽ được quả Bất hoàn thì chứng y nghĩa như thế là mật ý nói, chứ không phải khi dứt thân kiến, là được quả Bất hoàn.

Việc này cũng phi lý, vì nếu căn cứ vào thuyết này, thì kinh lẽ ra cũng nói được quả Ứng, nghĩa là dứt thân kiến, trong thời gian sau, cũng dần dần được quả A-la-hán. Tuy nhiên, trong Khế kinh không nói như thế, cho nên biết được chỉ căn cứ ở người trước hết lìa dục, nhập đế hiện quán dứt hữu thân kiến. Khi hiện quán mãn, được quả Bất hoàn, mật nói như thế, cũng được thành chứng. Nhưng ở trong vị hiện quán Thánh đế không có nghĩa không được quả mà lui ra.

Lại, người lìa dục kia không chấp nhận lại được quả khác, nên Đức Thế Tôn nói: Nếu các ông dứt thân kiến, thì ta bảo đảm các ông, chắc chắn sẽ được Bất hoàn”, không phải Vô gián đắc, nên không có lỗi về lý, lẽ ra như thế, vì trong kinh khác, Đức Thế Tôn cũng nói: Sau khi được định thứ tư, nhập hiện quán, được quả Bất hoàn. Nghĩa là Khế kinh nói: Hành giả kia do Thi la như thế viên mãn, có công năng lìa các pháp ác, bất thiện cõi Dục, nói rộng cho đến: khổ an trụ đủ tính lự thứ tư. Hành giả do đẳng trì viên mãn như thế, đối với khổ Thánh đế, thấy

biết như thật, nói rộng cho đến được quả Bất hoàn.

Nếu cho rằng, há không là tức kinh này nói: hành giả kia do thấy biết bốn đế như thật, ấy là khả năng dứt hẳn năm kết phần dưới?

Nếu hành giả kia trước là nhiệm cội Dục, đã có thể thật sự dứt kết tham v.v... cội Dục, thì không nên nói là trước đó đã là dục, nay Thánh đạo khởi, mới dứt trừ kết kia, không phải trước đã dứt, có nghĩa dứt lại. Cho nên, giáo đã dẫn làm chứng không thành.

Giải thích này cũng không đúng. Vì ý kinh này chỉ rõ bấy giờ chỉ được quả Bất hoàn, nghĩa là các người dần dần được Bất hoàn, thì lúc ấy nhất định đã dứt năm kết không còn. Vì khiến cho biết rõ người là dục trước nhập Đế hiện quán, chỉ được Bất hoàn, nên nói: bấy giờ, dứt năm kết phần dưới. Câu này ý nói liền có thể dứt hết, không phải nói thời nay có thể dứt chung năm. Về lý, tất nhiên như thế. Do năng lực Kiến đạo, không thể không đoạn các kết tham, sân v.v... còn sót, mà phải đoạn hết không còn mới chứng Bất hoàn.

Do đó, biết nhất định người trước tiên là dục, đã có công năng dứt thật hai kết phần dưới, vì chứng tỏ người kiến đế kia, chỉ chứng Bất hoàn, cho nên nói người Bất hoàn kia thời nay, dứt năm kết phần dưới. Hoặc ý này biểu thị, người kia hiện nay đoạn các kết đã tái sinh, đồng thời mật ý nói rằng: nếu không nhập hiện quán Thánh đế, thì loại phàm phu kia dù dứt tham, giận nhưng thời gian sau, chắc chắn sẽ phải lui sụt trở lại. Hoặc phàm phu này đối với xa, giả nói tiếng gần, như nói: Đại vương! Nay từ đâu đến v.v...? Nghĩa là mặc dù trước kia đã dứt trừ hai kết tham, giận, mà để cho giống với cách nói của thế tục là: “nay liền đoạn.” Ví như đại vương đã rời chỗ kia đến đây từ lâu nhưng giả nói “nay từ đâu đến v.v...”

Hoặc ba kết khi người kia nhập hiện quán, đã có ly hệ đặc, vô lậu đặc, thì hai kết tham, giận được vĩnh viễn không sinh, nên nói: “Lúc ấy dứt năm”, không có sai.

Nếu cho rằng dù nói sau khi được định thứ tư, nhập hiện quán, được quả Bất hoàn, nhưng không nhất định nói đoạn, chế phục hoặc của địa dưới. Sao nhất định biết hoặc của địa dưới đều đã thật sự được đoạn, không phải chỉ khuất phục triển hiện tại?

Việc này không nên hoài nghi, kinh này nói: “được Bất hoàn”, nên không thể nói: về sau, dần dần mới được. Vì trước kia đã phá. Lại, trước đã nói: Phàm phu là dục cũng như bậc Thánh sinh lên địa trên; nghĩa là chỉ có công năng chế phục phiền não của địa dưới, là sinh địa trên, thì điều ấy không thể thành, chỉ khi nào có khả năng thật sự đoạn

phiền não của địa dưới, là sinh địa trên, thì điều này mới thành tựu. Vì thế ở đây không nên do dự.

Như thế, gọi là có giáo chứng. Nên biết, đạo thế tục cũng có thể dứt hoặc.

Nói có lý: nghĩa là lực phiền não có khả năng ràng buộc tự thân khiến cho giới, địa khác nhau. Nếu hoặc cõi Dục chưa được dứt thật, mà có khả năng sinh lên cõi Sắc, Vô sắc, thì các phiền não không có công năng ràng buộc giới, địa sinh, khiến cho có sai khác.

Nếu cho rằng chưa phục trị phiền não của địa dưới, thì không sinh địa trên là công năng kia thì điều này cũng không như vậy, vì mặc dù khuất phục phiền não hiện có của địa này, nhưng cũng sinh địa này, nghĩa là có công năng chế phục phiền não Hữu đẳng, nhưng lại được sinh địa Hữu đẳng.

Tuy nhiên, dựa vào địa mình, khởi đạo thế tục, cũng có thể chế phục phiền não của địa mình, như quán bất tịnh, quán sở tức v.v... cũng chế phục phiền não hiện hành của địa mình, dứt được phiền não?

Phải ở trong các phiền não của địa này, được đạo Giải thoát, chế phục phiền não, sao cho chúng tạm thời, không hiện hành. Oai nghi, công xảo cũng có năng lực này, hướng chi tâm thiện khởi mà không có công năng. Như trụ trong giai đoạn này, có công năng chế phục tất cả phiền não của tám địa, khiến chúng không hiện hành thì vì sao riêng một mình ở Hữu đẳng, không thể chế phục? Nhất định nên thừa nhận nghĩa lý như thế, vì nếu không, thì các hữu đã lia nhiễm vô sở hữu, tâm trông mong không khởi nhập Đế hiện quán.

Người chứng Vô học, làm sao không chế phục phiền não của Hữu đẳng bèn khởi dứt phiền não kia, mà Thánh đạo hiện tiền. Cho nên, trụ trong giai đoạn này nhất định đối với Hữu đẳng, có trí phương tiện thiện xảo chế phục phiền não. Đã không thể nói không được đoạn các phiền não Hữu đẳng mà chỉ do chế phục phiền não hiện hành kia là không sinh phiền não kia thì tám địa dưới, so sánh lẽ ra cũng như thế. Do đó, biết chắc chắn các đạo thế tục, cũng dứt phiền não, lý đó được thành.

Lại, lẽ ra Dự lưu được sinh cõi Vô sắc, nếu chế phục phiền não của địa dưới, thì sẽ được sinh lên địa trên. Có các phàm phu, trước chế phục hai cõi, sau khi nhập Kiến đạo, hiện quán mãn, lẽ ra được Dự lưu, chứ không phải quả Bất hoàn. Tu hoặc của ba cõi vì thừa nhận ràng buộc đủ, vì Kiến đạo không phải đối trị dứt của Tu hoặc kia.

Người Dự lưu kia trụ quả vị, nếu hễ qua đời, thì quyết định nên thừa nhận sinh cõi Sắc, vì hoặc của hai cõi dưới trước đó đã chế phục.

Nếu sinh cõi Vô sắc kia là đã dứt hoặc cõi Dục v.v..., thành A-la-hán, ấy là trái với Khế kinh, như Khế kinh nói: Có năm bậc Thánh ở việc này thông đạt chỗ này rất ráo, không phải bậc Thánh kia có nhân quyết định, phải trở lại cõi này, mới chứng viên tịch. Nếu cho rằng đã nói vì tối đa bảy lần trở lại hữu, nên nhất định từ Vô sắc kia trở lại sinh cõi này, về lý cũng không đúng. Lời nói này chỉ căn cứ người, trời cõi Dục, vì mật ý nói.

Làm sao biết được bảy lần trở lại lại nói theo cõi Dục?

Chỉ y cứ vào hoặc dứt do Tu đạo đoạn cõi Dục để lập ra sự sai khác của danh từ Gia gia v.v..., nghĩa là vì dứt năm thứ kết phần dưới, nên gọi quả Bất hoàn. Tham, giận dữ cõi Dục ở trong phần dưới và si vì mỏng, nên gọi là quả Nhất lai. Hưởng quả Bất hoàn, gọi là Nhất giá, hưởng quả Nhất lai, gọi là Gia gia.

Cách giải thích trên đây, chỉ y cứ Tu hoặc cõi Dục dứt, lập ra danh sai khác, nên biết dựa vào Tu hoặc cõi Dục, đều ở vị chưa dứt, lập bảy lần trở lại hữu.

Nếu căn cứ ở chưa vượt qua phiền não của địa này để lập bảy lần sinh trở lại, thì biết chỉ ở địa đã chưa vượt qua, thọ bảy lần trở lại hữu, nên bảy lần trở lại hữu không phải cõi Sắc, cõi Vô sắc. Lại, trước đã lia tham của hai cõi, người ấy không nên kiến đặt tên bảy lần trở lại hữu, vì người ấy chỉ vì thuộc về căn tánh nhay bén, cùng cực bảy lần sinh trở lại là thuộc về căn tánh chậm lụt.

Lại, thuyết đã nói kia trái với tông chỉ của mình, không phải tông chỉ kia, kinh thừa nhận bảy lần trở lại hữu. Hoặc chấp nhận hữu, thọ nhận nghĩa sinh thứ tám. Chỗ sinh cõi Sắc, Vô sắc rất nhiều, ở những nơi đó, không có chấp nhận cùng cực chỉ bảy hữu.

Lại, xứ trời kia đầy đủ sinh lần thứ bảy, chắc chắn không chấp nhận sinh trở lại việc này. Vì thế sự trở lại trái với kinh, nên Khế kinh nói: Có năm bậc Thánh thông đạt ở việc này, rất ráo ở việc này.

Lại, bảy lần sinh trở lại, không phải thọ nhất định, vì là tiếng cùng cực chỉ nói lên số tối đa. Dự lưu đi qua xứ kia để thọ sinh lần thứ hai, ấy là nhập Niết-bàn, cũng thông đạt ở đây, rất ráo ở xứ kia, nhất định trái với kinh ở trước.

Vì thế, không chỉ chế phục tất cả phiền não của địa dưới, ấy là được sinh lên địa trên.

Các phàm phu đã có lý sinh lên cõi trên, biết đạo thế tục cũng có công năng dứt hoặc.

Có người chấp thế này: Các hữu trước lia tham cõi Dục, sau nhập

đạo kiến đế, khi hiện quán, được quả Dự lưu. Sự tham giận cõi Dục dù không hiện hành, nhưng vẫn có đặc kia vì thường theo đuổi ràng buộc, nên tức tham giận kia lại cho là lúc hiện quán đạo, dù nhất định quả Dự lưu, nhưng vì khi chứng rất vội gấp.

Trong các Khế kinh nói rằng: Người trước hết lìa dục, vì ở hiện quán đạo, chứng quả Dự lưu.

Lại, nói như vậy: Đế hiện quán đều được quả Bất hoàn. Đây là đối với Vô gián, lập dùng tiếng đều có, như Khế kinh nói: Các loài hữu tình sinh lên cõi trời Vô tưởng, tưởng sau khởi đều có, ấy là từ Vô Tưởng kia mất: Lại nói thế này: Vị hiện quán đạo, vì được đạo cao hơn, nên lìa tham cõi Dục, tức lúc được quả Bất hoàn.

Như thế, tất cả trước, sau trái nhau, như trẻ thơ ấu vì tự ở nhà nói, nghĩa là nếu luận sư kia nói: Người trước hết lìa dục, khi hiện quán đạo, được quả Dự lưu. Sự tham giận dữ cõi Dục dù không hiện hành, nhưng vì có tham, giận kia được thường theo đuổi ràng buộc, thì không nên nói là vị hiện quán đạo, vì được đạo cao hơn, nên người lìa tham cõi Dục, tức lúc ấy được quả Bất hoàn, vì không thể khi hiện quán đạo, được cả hai quả: Dự lưu, và Bất hoàn.

Nếu môn sau, là nên bỏ môn trước, nếu môn trước là nên bỏ môn sau, trước, sau trái nhau, không phải đều cùng có. Thế nên, nếu ý Luận sư kia cho rằng: Như khi đạo của địa trên, hiện ở trước, chắc chắn Tu đạo thuộc địa dưới, vì khi đạo thù thắng hiện ở trước, vì công năng tu kém, nên đạo này cũng nên ở vị hiện quán đạo như thế, được đạo cao hơn, nên vì lìa tham cõi Dục, lúc ấy được quả Bất hoàn.

Giải thích này không đúng. Vì sao? Vì tông của Luận sư kia không lập hữu vị lai, nên chấp ngoài pháp, không có đặc riêng. Đạo không hiện hành, có thể lìa tham dục và kết giận dữ, vì về lý không thành, vì Kiến đạo không có khả năng dứt, vì Tu đạo đoạn. Cả hai đạo đều không chấp nhận cùng hiện tiền.

Lại, Luận sư kia nói vị hiện quán đạo, được đạo vượt hơn, thế nó là gì? Không phải vào lúc ấy, có đạo vượt hơn khác, mà có thể chỉ rõ, là chỗ chứng đắc này?

Đã không có khả năng nói về tướng đạo đã đắc, sao lại nói đạo này có công năng lìa tham dục, mà nói là vào lúc ấy, được quả Bất hoàn? Vì thế, nên thuyết của Luận sư kia chỉ theo ý mình. Lại, không nên cho rằng khi hiện quán đạo, dù nhất định được quả Dự lưu, nhưng vì khi chứng quả gấp vội trong các khế kinh không nói lên lời này: Người trước hết lìa dục, vì hiện quán đạo chứng quả Dự lưu. Cũng không nên

nói Đế hiện quán đều được Bất hoàn. Bất hoàn này đối với Vô gián lập, dùng tiếng đều cùng có. Vì sao? Vì thiếu Nhất lai, nên sau quả Dự lưu, thì trước chứng đắc quả Nhất lai, không phải Dự lưu Vô gián, tức chứng quả Bất hoàn. Khế kinh lẽ ra nói: Người trước lìa dục, vì hiện quán đạo, chứng quả Dự lưu, Đế hiện quán, đều được quả Nhất lai, từ Vô gián này mới được quả Bất hoàn, mà không nói như thế, nên không đúng.

Cho nên Luận giả kia đối với nghĩa chánh pháp, quay mặt mà trụ, thuật kinh theo ý mình, không thể với chánh pháp kia, khảo sát lường xét chánh lý.

Bàn luận bên ngoài đã rõ, nay nên nói về nghĩa gốc. Gốc là nói về các vị thiện căn sinh nhau. Trước đã nói Kim cương dụ định vô gián, tất nhiên có Tận trí nối tiếp nhau sinh. Tận trí vô gián có trí nào khởi? Tụng rằng:

*Bất động sau Tận trí
Sẽ khởi Vô sinh trí
Tận khác, hoặc chánh kiến.
Quả Ứng này đều có.*

Luận nói: Trước tiên nói về các A-la-hán Bất động pháp, thì Tận trí không gián đoạn sẽ khởi sinh Vô sanh trí. Tận trí là căn bản của Vô sanh trí vốn tìm cầu. Cho nên, Vô sanh trí hẳn nhiên cùng thời với Tận trí mà được. Nếu không có, ấy là có chướng ngại Niết-bàn. Khi các A-la-hán cùng được trí, tức cũng là chí mong cầu được Vô sinh trí. Nhưng về lý, Tận trí của bậc Thánh kia, phải khởi trước, vì trong khi tu nhân đã mong cầu trước. Từ Bất động pháp trở về trước đến sau định kim cương thì được Vô sanh trí mà chưa hiện tiền. Tận trí vô gián mới được hiện khởi. Trừ Bất động ở trước, còn các A-la-hán khác, Tận trí vô gián có Tận trí sinh. Hoặc tức dẫn sinh chánh kiến Vô học, chẳng phải Vô sanh trí về sau chấp nhận lui sụt. Nghĩa là nếu trước kia là tánh Thời giải thoát, thì cho dù ở nhân cùng cầu hai thứ mà đến quả cùng cực vẫn chấp nhận có lui sụt. Cho nên Kim cương dụ định trong vị chánh diệt, không được Vô sanh, chỉ được Tận trí. Do đó, sau Tận trí, Tận trí hiện tiền, hoặc tức dẫn sinh chánh kiến Vô học. Bất động pháp trước, sau Vô sanh trí, có Vô sanh trí khởi. Hoặc chánh kiến Vô học, kiến Vô học này, tất cả lẽ ra có cái chung Ứng quả, giống như Tận trí, nên trong vị chánh diệt của định kim cương, tất cả đều được chánh kiến Vô học. Nhưng chánh kiến này không phải đối tượng mong cầu chính, nên Vô gián của hai trí: tận, và vô sinh hoặc có thì khởi, hoặc chưa hiện tiền. Ở trong vị này, nghĩa tổng lược là: nếu trước Bất động, đầu tiên khởi Tận

trí thì chỉ một sát-na. Kế là, Vô sanh trí cũng một sát-na hoặc có nối tiếp nhau. Nếu Thời giải thoát, đầu tiên khởi Tận trí, hoặc một sát-na, hoặc có nối tiếp nhau, hai thời gian này sanh khởi chánh kiến Vô học, đều không có quyết định sát-na nối tiếp nhau như trước đã nói: vì không phải đối tượng mong cầu chính của A-la-hán kia.

